

Bản án số: **181/2023/HS-PT**
Ngày: 16/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Ông **Trần Hữu Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Hồng Lĩnh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử trực tuyến tại 02 điểm cầu (Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Điểm cầu thành phần: Trại tạm giam **Công an thành phố Đ**) để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo bị cáo **Nguyễn Duy T** do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN DUY THIÊN, sinh ngày 02/8/1994 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: **Tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: C Đ, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Ngọc T1** và bà **Ngô Thị Ngọc H**; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2022, hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

** Tham gia tại điểm cầu trung tâm (Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) gồm có:* Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Thư ký phiên tòa.

* Tham gia tại điểm cầu thành phần (Trại tạm giam Công an thành phố Đ) gồm có:

- Bị cáo: Nguyễn Duy T.

- Các cán bộ, chiến sỹ của Trại tạm giam Công an thành phố Đ:

1/ Ông Trần Hoàng V, chức vụ: cán bộ;

2/ Ông Lê Võ Quyết T2, chức vụ: cán bộ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, vì cần tiền trả nợ nên Nguyễn Duy T đến gặp bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay 500.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý cho T mượn tiền nhưng với điều kiện phải có giấy tờ nhà đất để thế chấp. Vì không có đất nên T đã nảy sinh ý định làm giấy tờ giả để thế chấp cho bà H1. T lên mạng xã hội liên lạc 01 người không rõ nhân thân, làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số CC 852955, thửa số C17-24, tờ bản đồ 00 thuộc khu dân cư mới 2A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam do UBND tỉnh Q cấp ngày 24/7/2018 mang tên Nguyễn Duy T với giá tiền 8.000.000 đồng. T cung cấp các thông tin cần thiết để làm giả giấy tờ nói trên. Sau khi có được GCN QSDĐ giả, T đem thế chấp cho bà H1 để vay 435.000.000 đồng trong vòng 01 tháng, nếu T trả đúng hạn thì bà H1 không lấy lãi và trả lại GCN QSDĐ cho T, nếu không đúng hạn thì T ra công chứng bán lô đất đã thế chấp cho bà H1 với giá 1.000.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý và T viết “Hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà (đất)” ngày 20/11/2018 cho bà H1 thể hiện số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng, hai bên thống nhất số tiền còn lại 65.000.000 đồng nếu T không bán đất thì chịu phí đền bù tương ứng với lãi suất 13% của 500.000.000 đồng, bà H1 không mua thì mất 65.000.000 đồng tiền phí đặt cọc. Sau khi nhận số tiền 435.000.000 đồng, T sử dụng tiêu xài, trả nợ cá nhân.

Tại Kết luận giám định số 110 ngày 07/10/2022 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: GCN QSDĐ số CC 852955, mang tên Nguyễn Duy T là giả.

Qua xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ xác định: GCN QSDĐ số CC 852955 mang tên Nguyễn Duy T đối với lô đất số C17-24, tờ bản đồ số 00 thuộc Khu dân cư mới 2A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Năm 2013 chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn D; năm 2016 chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T3; năm 2018 chủ sở hữu là ông Ngô Tấn Đ; năm 2022 chủ sở hữu là bà Hàng Ái T4. Nguyễn Duy T không phải là chủ sở hữu của lô đất này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Duy T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Duy T** phải chấp hành là 10 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 02/12/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 30/8/2023, bị cáo **Nguyễn Duy T** có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin được giảm nhẹ hình phạt theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 12/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-TK với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Duy T** về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn đối với bị cáo **Nguyễn Duy T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Duy T** giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy T** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê theo đúng thủ tục tố tụng và trong thời hạn nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu,

tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy T**, sửa Bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 03/QĐ-VKS-TK ngày 12/9/2023, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Duy T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2018, **Nguyễn Duy T** lên mạng xã hội Facebook cung cấp thông tin cá nhân cho một đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch để làm giả 01 GCN QSDĐ số CC 852955, thửa đất số C17-24, tờ bản đồ số 00 thuộc Khu dân cư mới 2A, **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam** do **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** cấp ngày 24/7/2018, mang tên **Nguyễn Duy T** để thế chấp cho bà **Nguyễn Thị Thanh H1** vay số tiền 435.000.000 đồng rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo **Nguyễn Duy T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo bổ sung

tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tuy nhiên, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn tác động gia đình nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (theo biên lai thu tiền số 0000886 ngày 24/10/2023), tuy nhiên, việc bị cáo thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, trong vụ án này, bị cáo thực hiện 02 hành vi phạm tội cùng với lỗi cố ý, số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại bà **Nguyễn Thị Thanh H1** là 435.000.000 đồng, đã tiệm cận với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng) với khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Xét tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét kháng nghị số 03/QĐ-VKS-TK ngày 12/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở những đánh giá, phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng nghị là không phù hợp nên không chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo **Nguyễn Duy T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy T** và kháng nghị số 03/QĐ-VKS-TK ngày 12/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Duy T: 07 (B) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Duy T**: 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

4. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo **Nguyễn Duy T** phải chấp hành là 10 (M) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 02/12/2022.

5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) do gia đình bị cáo **Nguyễn Duy T** nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Biên lai thu tiền số 0000886 ngày 24/10/2023 để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Nguyễn Duy T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CATP Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQĐT Công an quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Vụ GDKT I - TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Bùi Trọng Danh